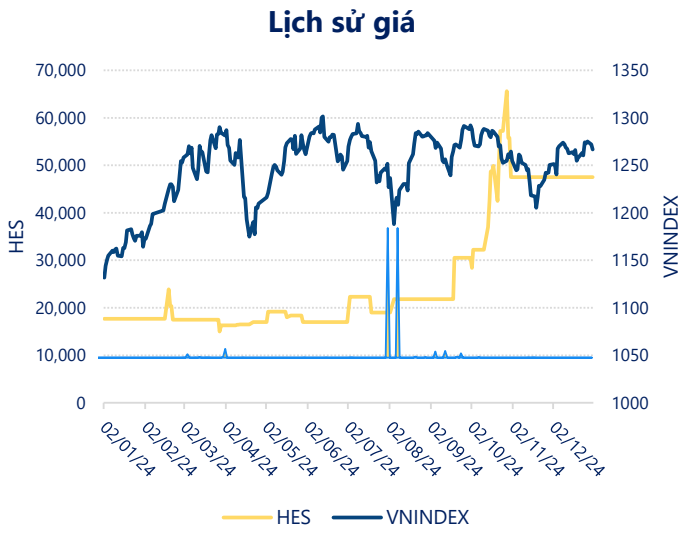
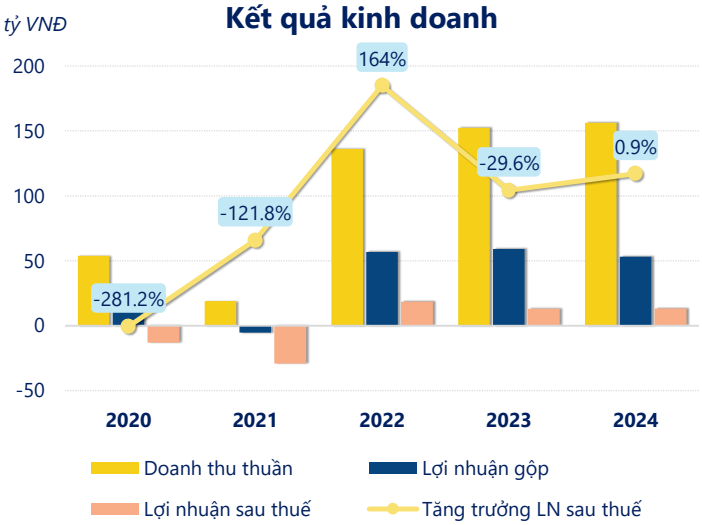
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	47,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	47.5%	113.0

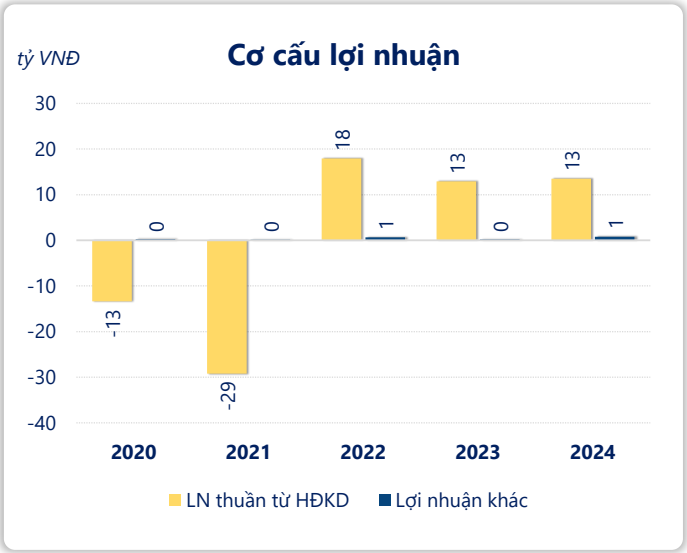
	2024	YoY
DT thuần	156 tỷ VNĐ	▲ 4.00 ▲ 2.5%
LN gộp	53.1 tỷ VNĐ	▼ 6.00 ▼ 10.2%
LN thuần	13.5 tỷ VNĐ	▲ 0.60 ▲ 4.6%
LN sau thuế	13.2 tỷ VNĐ	▲ 0.10 ▲ 0.9%
ROE	12.4%	+/- YoY ▼ 1.6%
ROA	10.6%	+/- YoY ▼ 1.5%

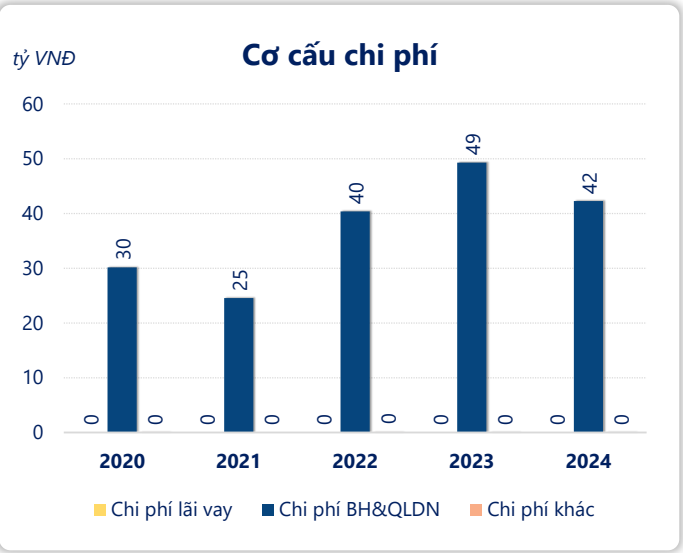




Năm **2024**, **HES** ghi nhận doanh thu thuần **156.2** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **13.19** tỷ đồng, lần lượt **tăng 2.47%** và **tăng 0.87%** so với năm trước.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **12.4%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

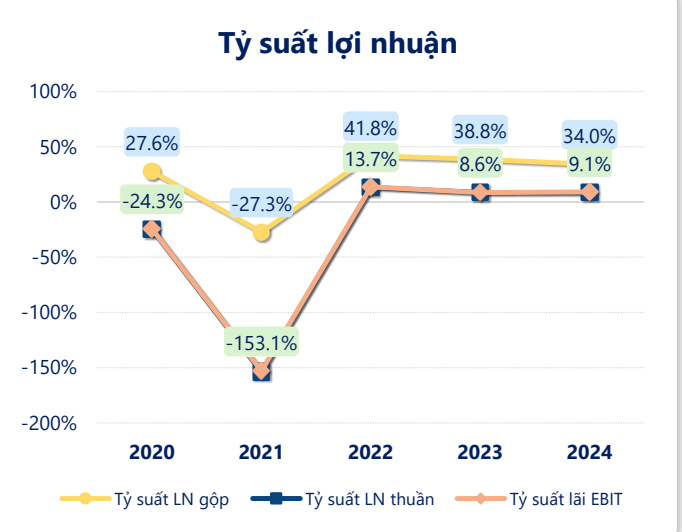


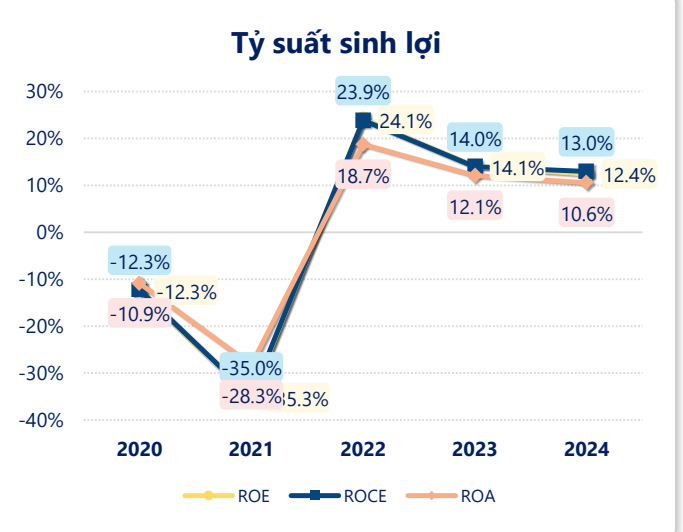


Năm **2024**, **HES** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **13.48** tỷ đồng, **tăng lên 0.60** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (0.35 tỷ đồng) là 13.13 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

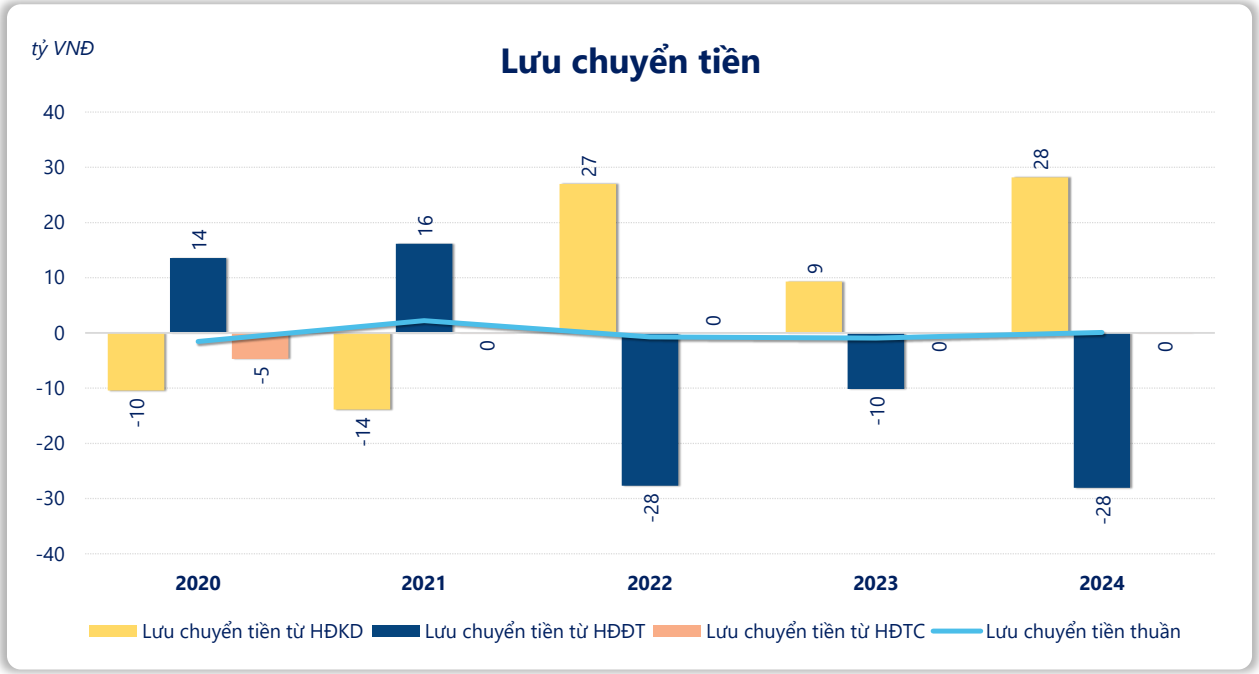
Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm xuống** còn **42.28** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.01** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của HES năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **12.4%**, tuy nhiên vẫn **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**53.9**	**19.0**	**136**	**152**	**156**
Giá vốn hàng bán	39.0	24.2	79.2	93.3	103
Lợi nhuận gộp	**14.9**	**-5.19**	**56.9**	**59.1**	**53.1**
Doanh thu HĐTC	1.89	0.52	1.36	3.06	2.69
Chi phí TC	0.00	0.00	0	0	0
Chi phí lãi vay	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.3	6.72	17.2	18.7	18.9
Chi phí QLDN	18.9	17.8	23.2	30.6	23.4
LN thuần từ HĐKD	**-13.4**	**-29.2**	**17.9**	**12.9**	**13.5**
Lợi nhuận khác	0.26	0.13	0.64	0.19	0.79
LN trước thuế	**-13.1**	**-29.1**	**18.6**	**13.1**	**14.3**
Lợi nhuận sau thuế	**-13.1**	**-29.1**	**18.6**	**13.1**	**13.2**
LNST của CĐ cty mẹ	**-13.1**	**-29.1**	**18.6**	**13.1**	**13.2**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của HES bằng **0.08** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-0.92 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **28.18** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-28.07** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-0.03** tỷ đồng.